

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 5 - 2026
“V/v tranh chấp ly hôn;
nuôi con; chia tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 tháng 4 năm 2026 và ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn; nuôi con; chia tài sản chung khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Minh C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Nhật H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: D T, ấp A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc T, là luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1984 (có

mặt).

Địa chỉ: E, khu phố P, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Lê Thiện Đ1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Công ty TNHH MTV D1.

Địa chỉ: C ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P – chức vụ Giám đốc.

Người đại diện của ông Trần Văn P, là ông Phùng Minh C, sinh năm 1984 (có mặt).

3.4. Ngân hàng TMCP Đ2.

Địa chỉ: B Đại Lộ Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh P1 – Trưởng phòng G (xin vắng mặt).

3.5. Ông Trần Văn P, sinh năm 1984.

3.6. Bà Trần Thị Thúy O, sinh năm 1988.

3.7. Bà Trần Thị N, sinh năm 1958.

Cùng Địa chỉ: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của bà Trần Thị N, bà Trần Thị Thúy O là ông Trần Văn P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3.8. Công ty TNHH T5.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thúy L – Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

3.9. Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

3.10. Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2005 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

3.11. Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 5 khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Công ty TNHH MTV D2.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Minh T2 – Chức vụ Giám đốc (xin vắng mặt).

3.13. Ngân hàng N1.

Người đại diện ủy quyền: Ông Võ Hoàng H1, Giám đốc Ngân hàng N1, chi nhánh M (xin vắng mặt).

3.14. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Ông Phùng Minh C, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông và bà Trần Thị Thúy L có tình cảm và sống chung như vợ chồng từ ngày 09/6/2015. Đến ngày 11/4/2019 ông và bà L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống không hạnh phúc do bà L có hành vi ngoại tình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên ông yêu cầu ly hôn với bà L. Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Phùng Thái Y, sinh ngày 11/4/2019. Ông yêu cầu được nuôi con là Phùng Thái Y sinh ngày 07/02/2020, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Người đại diện ủy quyền của ông C là ông Lê Nhật H trình bày:

Về tài sản chung ông C và bà L có tạo lập được tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 218 tờ bản đồ số 29, diện tích 165 m² tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thừa đất số 118, tờ bản đồ số 29, diện tích 287,9 m² tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thừa đất số 02, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.320,3 m² tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do ông và bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thừa đất số 08, tờ bản đồ số 04, diện tích 739,5 m² tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long do ông và bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thừa đất số 15, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.849,7 m² tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.890,3 m² tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long do ông và bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29, diện tích 391,9 m² tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích 616,2 m² tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.226 m² tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO biển số 71C-062.53 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên ngày 18/02/2020.

- Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO biển số 71C-094.06 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên ngày 30/6/2020.

- Xe ô tô tải HINO biển số 71C-005.25 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên ngày 01/6/2021.

- Xe ô tô tải HINO biển số 71H-013.37 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên tháng 4/2022.

- Xe ô tô con MITSUBISHI –ATTTRAGE GLS biển số 71A-138.53 do Công ty TNHH T5 đứng tên tháng 4/2022 và do vợ chồng ông quản lý.

- Xe máy hiệu Vespa biển số 71B3-86608 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên tháng 4/2022.

- Nhà xưởng tiền chế, kim loại + nhà ở biệt thự vườn kết hợp văn phòng Công ty TNHH T5 được xây dựng trên 03 thửa đất liền kề nhau là thửa 218 tờ bản đồ số 29, thửa 118 tờ bản đồ số 29 và thửa số 2 tờ bản đồ số 28 cùng tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Điện 03 pha; Xe nâng Toyota; xe nâng điện; xe nâng Komatsu; 03 máy rửa tự sáng chế theo bằng sáng chế số 36126 và 03 máy rửa tự chế theo bằng sáng chế số 37879; Lòng chặt kim loại tiếp sắt tự thiết kế; 75 chuồng dứa kim loại hộp sắt kẽm tự chế; 780 sọt nhựa.

- Trang sức: kim cương thiên nhiên mã số 835604 trọng lượng 0,618ci; kim cương thiên nhiên mã số 690804-670302, do bà Trần Thị Thúy L quản lý.

- Trái phiếu riêng lẻ mã BIDV2-RL-19.24 trị giá 2.000.000.000 đồng do Ngân hàng TMCP Đ2.

Về nợ chung:

- Vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP Đ2—chi nhánh M theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/6127643/HĐTD ngày 03/10/2023 với mức vay là 7.000.000.000 đồng.

- Nợ vay của Ngân hàng N1 —chi nhánh M theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202300665 ngày 15/3/2023 do Công ty TNHH T5 vay, với mức vay là 25.000.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C yêu cầu giải quyết tài sản như sau:

- Yêu cầu chia đôi thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29 diện tích 391,9 m² tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Ông yêu cầu nhận đất, ông đồng ý thanh toán cho bà L ½ giá trị thửa đất là 627.040.000 đồng.

- Yêu cầu chia đôi thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 diện tích 616,2m² tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long. Ông yêu cầu nhận ½ giá trị thửa đất là 72.500.000 đồng, đồng ý giao đất cho bà L quản lý, sử dụng.

- Yêu cầu chia đôi thửa đất số 416, tờ bản đồ số 09 diện tích 2226,0m² tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Tổng giá trị thửa đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là 502.260.000đ. Ông yêu cầu được nhận giá trị là ½ thửa đất là 251.130.000 đồng.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu trắng, mang biển số 71C-094.06 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018811 do Công an tỉnh B cấp ngày 30/6/2020 có giá 500.000.000 đồng hiện do bà L đang quản lý sử dụng. Ông yêu cầu nhận xe, đồng ý hoàn lại cho bà L ½ giá trị xe là 250.000.000 đồng.

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu đỏ, tải trọng mang biển số 71C-005.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001805 do Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021 có giá 1.360.000.000 đồng. Xe này ông bà đã bán cho ông Nguyễn Thành C1 giá 1.360.000.000 đồng, bà L nhận tiền nên ông C yêu cầu bà L giao lại ½ giá trị là 680.000.000 đồng.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu đỏ mang biển số 71H-013.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71005807 do Công an tỉnh B cấp tháng

4/2022. Xe này ông và bà L đã bán cho bà Trần Thị T3 giá 1.300.000.000 đồng, trước đây ông yêu cầu chia đôi, nay ông xin rút yêu cầu ông không tranh chấp.

- Đối với xe ô tô con, nhãn hiệu MITSUBISHI – ATTRAGE GLS- màu đỏ mang biển số 71A-138.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71000513 do Công an tỉnh B cấp tháng 4/2022 có giá 330.000.000 đồng do Công ty TNHH T5 đứng tên và xe máy màu đỏ nhãn hiệu Vespa mang biển số 71B3-86608 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71005807 do Công an tỉnh B cấp tháng 4/2022 do Công ty TNHH T5 đứng tên có giá 45.000.000 đồng. Các xe này ông có yêu cầu chia đôi nhưng nay ông xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO mang biển số 71C-085.10 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh B cấp ngày 08/10/2019 có giá 600.000.000 đồng. Hiện do bà Nguyễn Thị Thúy A đứng tên. Xe này ông có yêu cầu chia đôi nhưng nay ông xin rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về trang sức có: Nhẫn kim cương thiên nhiên mã số 835604 Gia 7446131214 có giá 101.300.000 đồng và đôi bông kim cương thiên nhiên mã số 690804 – 670302 có giá 93.000.000 đồng. Ông và bà L đã tự thỏa thuận phân chia, bà L được chia Nhẫn kim cương thiên nhiên mã số 835604 Gia 7446131214, ông được chia đôi bông kim cương thiên nhiên mã số 690804 – 670302, ông đã nhận xong nên ông rút yêu cầu không tranh chấp đối với các trang sức kim cương này.

- Đối với tiền bán trái phiếu riêng lẻ mã BID2_RL_19.24 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2019 của ngân hàng TMCP Đ2 có giá 2.000.000.000 đồng, bà L khai đã bán được số tiền 2.155.800.000 đồng, ông đồng ý số tiền bà L thừa nhận, do đây là tài sản chung nên ông yêu cầu chia đôi, yêu cầu bà L giao lại $\frac{1}{2}$ số tiền này.

- Đối với số tiền bồi thường thửa đất số 146 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) 383.160.000 đồng. Ông có yêu cầu bà L giao lại $\frac{1}{2}$ số tiền đã nhận là 191.580.000 đồng nay ông xin rút yêu cầu không tranh chấp.

- Đối với số tiền vay của Ngân hàng TMCP Đ2, chi nhánh tỉnh B là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ). Ông có yêu cầu bà Trần Thị Thúy L giao $\frac{1}{2}$ là 3.500.000.000 đồng nay ông rút yêu cầu không yêu cầu chia số tiền này.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO mang biển số 71C-06253 theo Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh B cấp ngày 18/02/2022 là tài sản riêng của ông có giá 300.000.000 đồng nhưng nay ông đồng ý xe này là tài sản chung. Do xe bà L đang quản lý sử dụng nên ông yêu cầu chia đôi, ông yêu cầu bà L giao xe cho ông, ông thanh toán cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thừa đất liên quan đến Ngân hàng N1 đã được giải quyết xong, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thừa đất liên quan đến Ngân hàng TMCP Đ2, bà L đã thanh toán xong nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Trần Thị Thúy L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phùng Minh C về thời gian đăng ký kết hôn và con chung. Về hôn nhân bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C. Về con chung bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Người đại diện ủy quyền của bà Trần Thị Thúy L là ông Lê Hữu T1 trình bày:

Bà L xin rút yêu cầu chia đôi thừa đất số 830, 831, tờ bản đồ số 14, diện tích 2101,3 m² tọa lạc ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Bến Tre. Rút yêu cầu chia đôi tiền mua thừa đất số 400 tờ bản đồ số 19, diện tích 611,3 m² tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với yêu cầu chia tài sản của ông Phùng Minh C bà L có ý kiến như sau:

- Đối với thừa đất số 117, tờ bản đồ số 29 diện tích 391,9 m² tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, bà L thống nhất là tài sản chung, bà L đồng ý chia đôi nhưng bà L yêu cầu nhận đất, bà L sẽ thanh toán cho ông C $\frac{1}{2}$ giá trị thừa đất là 627.040.000 đồng.

- Đối với thừa đất số 13, tờ bản đồ số 04 diện tích 616,2m² tọa lạc tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long). Bà L thống nhất là tài sản chung, đồng ý chia đôi, bà L yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị thừa đất là 72.500.000 đồng, đồng ý giao đất cho ông C.

- Đối với thừa đất số 416, tờ bản đồ số 09 diện tích 2226,0m² tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) do bà L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà L không đồng ý với yêu cầu của ông C, đây là tài sản riêng của bà được tặng cho riêng, không phải là tài sản chung của bà và ông C.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu trắng, mang biển số 71C-

094.06 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018811 do Công an tỉnh B cấp ngày 30/6/2020 có giá 500.000.000 đồng hiện do bà L đang quản lý sử dụng. Bà L thống nhất đây là tài sản chung, bà L yêu cầu nhận xe, đồng ý hoàn lại cho ông C $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 250.000.000 đồng.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu đỏ, tải trọng mang biển số 71C-005.25 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001805 do Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021. Xe này ông C và bà L đã bán cho ông Nguyễn Thành C1 giá 800.000.000 đồng, không phải bán với giá 1.360.000.000 đồng như lời trình bày của ông C. Xe bán trong thời kỳ hôn nhân, ông bà đã sử dụng tiền vào mục đích sinh hoạt gia đình, không còn nên bà L không đồng ý chia.

- Đối với việc ông C rút yêu cầu, không tranh chấp liên quan đến các tài sản gồm: xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO màu đỏ mang biển số 71H-013.37 (đã bán cho bà Trần Thị T3); xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO mang biển số 71C-085.10 (do bà Nguyễn Thị Thúy A đứng tên); xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI – ATTRAGE GLS- màu đỏ mang biển số 71A-138.53 do Công ty TNHH T5 đứng tên (đã bán cho Công ty TNHH MTV D2) và xe máy biển số 71B3-86608 (do Công ty TNHH T5 đứng tên) bà L đồng ý và không có ý kiến gì.

- Về trang sức có: Nhẫn kim cương thiên nhiên mã số 835604 Gia 7446131214 có giá 101.300.000 đồng và đôi bông kim cương thiên nhiên mã số 690804 – 670302 có giá 93.000.000 đồng. Bà L và ông C đã tự thỏa thuận phân chia xong, ông C rút yêu cầu giải quyết đối với các trang sức này, bà L đồng ý.

- Đối với tiền bán trái phiếu riêng lẻ mã BID2_RL_19.24 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2019 của ngân hàng TMCP Đ2 có giá 2.000.000.000 đồng, bà L đã bán được số tiền 2.155.800.000 đồng vào năm 2020, việc bán trái phiếu này trong lúc bà L và ông C còn sống chung, tiền thu được dùng vào việc sinh hoạt gia đình chung như hoạt động kinh tế, mua đất nên không còn để chia.

- Đối với việc ông C rút yêu cầu liên quan đến số tiền bồi thường thừa đất là 383.160.000 đồng và yêu cầu bà L giao số tiền 3.500.000.000 đồng (1/2 số tiền vay của Ngân hàng TMCP Đ2), bà L đồng ý và không có ý kiến gì.

- Đối với xe ô tô tải, nhãn hiệu HINO mang biển số 71C-06253 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh B cấp ngày 18/02/2022 là tài sản riêng của bà L do bà L mua năm 2017, trước thời gian bà và ông C kết hôn, hiện xe bà L đang quản lý sử dụng, bà L không đồng ý với yêu cầu của ông C cho rằng đây là tài sản chung, bà không đồng ý chia.

Về nợ chung: Đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thừa đất liên quan đến Ngân hàng N1 đã được giải quyết xong, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các thừa đất liên quan đến Ngân hàng TMCP Đ2, bà L đã thanh toán xong, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L sẽ tự thỏa thuận với ông C, nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị T3 trình bày: Bà là chị ruột của bà Trần Thị Thúy L. Vào ngày 10/8/2023 bà có ký hợp đồng mua bán xe với ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L chiếc xe tải HINO biển số 71H – 0133.37 của ông C bà L, giá mua bán là 500.000.000 đồng, hợp đồng có công chứng chứng thực, bà, ông C, bà L cùng ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, bà đã giao đủ số tiền 500.000.000 đồng cho ông C, giao bằng tiền mặt, giao tiền không có làm biên nhận. Bà đã nhận xe và làm thủ tục đổi biển số xe là 71H-117.52, xe hiện nay do bà đứng tên. Bà xác định bà mua xe 71H - 013.37 của ông C bà L với giá là 500.000.000 đồng. Ông C khai ông C bà L bán xe này cho bà giá 1,3 tỷ đồng là không đúng. Ngoài hợp đồng mua bán xe trên thì bà và ông C bà L không có ký hợp đồng nào khác. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa ông C và bà L.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Chị là cháu ruột của bà Trần Thị Thúy L gọi bà L là dì, ông Phùng Minh C là chồng bà L. Hiện tại chị đang đứng tên 02 chiếc xe tải, xe 71C-078.35 và 71C-085.10. Xe 71C-085.10 chị mua lại của người khác chị không nhớ tên, sau khi mua xe chị đã làm thủ tục sang tên do chị đứng tên. Xe 71C-078.35 chị mua mới tại Công ty H2. Chị khẳng định chị không của mua xe nào của ông C bà L và cũng không có đứng tên dùm cho ông C bà L xe nào hết. Theo biên bản ngày 12/12/2022 về việc phát tiền thưởng công nhân cuối năm thì chị xác định chị có ký biên bản nhưng không biết nội dung, vì khi họp ông C đóng cửa nhà gây áp lực cho những người tham dự, biên bản ai ghi chị không biết. Theo nội dung cuộc họp trên là do cuối năm không có tiền trả lương thưởng cho công nhân, ông C muốn mượn xe của chị để đi cầm lấy tiền trả tiền cho công nhân, chị đồng ý với điều kiện ông C bà L làm hợp đồng vay tiền với chị rồi chị sang tên cho ông C bà L đi vay, chị và ông C chỉ thỏa thuận như trên nhưng chưa có làm gì hết. Xe của chị chị vẫn giữ chạy bình thường, chiếc 71C-078.35 chị vẫn đang sử dụng, xe 71C-085.10 chị bán cho Công ty D2 bao nhiêu chị không nhớ, chị đã sang tên cho công ty D2. Việc ông C cung cấp các chứng cứ cho rằng chị đứng tên dùm cho ông C bà L 02 xe 71C-078.35 và 71C-085.10 là không đúng, các lời nói của chị trong các chứng cứ này là do chị bị ông C gây áp lực, đồng thời chị cũng không nghe rõ lời nói của ông C. Chị khẳng định chị không có đứng tên dùm xe của ông C bà L, chị sẽ cung cấp chứng cứ về việc các

chiếc xe trên là thuộc quyền sở hữu của chị, ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành C1 trình bày: Ông là chủ sở hữu xe 71H-005.25, xe nay ông mua từ ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L. Theo thỏa thuận ban đầu ông C bà L bán cho ông xe trên giá 1.360.000.000 đồng bằng hơp75 đồng viết tay, ông đã giao cho ông C bà L số tiền 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi kiểm tra phát hiện xe phát sinh một số lỗi cần sửa chữa nên ông C bà L thỏa thuận lại giá bán xe là 1.100.000.000 đồng, giảm 260.000.000 đồng so với trước nên ông đồng ý. Sau đó các bên có đến Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc T4 làm hợp đồng mua bán xe với giá là 800.000.000 đồng nhằm để giảm chi phí và thuế. Do điều kiện công việc làm ăn xa ông xin vắng mặt tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Bà có mua 01 chiếc xe Vespa mang biển số 7183-866.08 theo Chứng nhận đăng - tô, xe gắn máy số 71 005807 do Công an tỉnh B cấp tháng 04/2022 (hiện biển số 71L1-05984 theo Chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe gắn máy số 71 005523 3 an xã Đ (hiện nay là xã Đ) cấp ngày 08/10/2024) từ Công ty T5 với giá thỏa thuận là 10.000.000 đồng, có kí hợp đồng mua bán chiếc xe nêu trên vào ngày 29/01/2024. Bà xin cam đoan những lời trình bày trên của bà là đúng sự thật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 43, 44, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phùng Minh C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy L.
2. Về con chung: Giao con Phùng Thái Y, sinh ngày 07/02/2020 cho bà Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi. Ông Phùng Minh C cấp dưỡng con Phùng Thái Y mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi con (Phùng Thái Y) đủ 18 tuổi.

Ông Phùng Minh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thúy L được nhận toàn bộ thửa đất và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất với số tiền là 627.040.000 đồng (có hồ sơ trích đo kèm theo).

3.2. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4 tọa lạc thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thúy L được nhận toàn bộ thửa đất và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất với số tiền là 72.500.000 đồng (có hồ sơ trích đo kèm theo).

Do các thửa đất nêu trên bà Trần Thị Thúy L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cần kiến nghị điều chỉnh người đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.3. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ xe ô tô tải hiệu HINO biển kiểm soát 71C-094.06 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên. Bà Trần Thị Thúy L được nhận xe và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C $\frac{1}{2}$ giá trị xe số tiền 250.000.000 đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Minh C về việc yêu cầu chia tài sản liên quan đến các tài sản gồm: Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 09 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất; xe ô tô tải 71C-005.25; xe ô tô tải 71C- 062.53; Tiền bán trái phiếu là 2.155.800.000 đồng.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Phùng Minh C về việc rút yêu cầu liên quan đến các tài sản gồm:

- Đồ trang sức là kim cương thiên nhiên mã số 835604 Gia 7446131214 trọng lượng 0,618ci và kim cương thiên nhiên mã số 690804 – 670302 (các bên đã thực hiện việc giao nhận xong).

- Thửa đất số 218 tờ bản đồ số 29 và các thửa đất 02, 118 tờ bản đồ số 28 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Thửa đất số 08, 15 tờ bản đồ số 04 tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long).

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14, tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Nhà xưởng + nhà ở biệt thự vườn kết hợp văn phòng được xây dựng trên 03 thửa đất liền kề nhau là thửa 218 tờ bản đồ số 29, thửa 118 tờ bản đồ số 29 và thửa số 2 tờ bản đồ số 28 cùng tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Điện 03 pha; Xe nâng Toyota; xe nâng điện; xe nâng Komatsu; 03 máy rửa tự sáng chế theo bằng sáng chế số 36126 và 03 máy rửa tự chế theo bằng sáng chế số 37879; Lòng chặt kim loại tiếp sắt tự thiết kế; 75 chuồng dứa kim loại hộp sắt kẽm tự chế; 780 sọt nhựa.

- Số tiền bồi thường 383.160.000 đồng liên quan đến các thửa đất số 830, 831 tờ bản đồ số 14, diện tích 2101,3 m² tọa lạc ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre và rút yêu cầu bà Trần Thị Thúy L giao số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ rưỡi) đồng là ½ số tiền vay từ Ngân hàng TMCP Đ2, chi nhánh B, phòng G.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy L về việc yêu cầu chia tài sản liên quan đến thửa đất số 830, 831, tờ bản đồ số 14, diện tích 2101,3 m² tọa lạc ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và yêu cầu chia số tiền đặt cọc (600.000.000 đồng) mua thửa đất số 400 tờ bản đồ số 19, diện tích 611,3 m² tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long.

8. Về nợ chung:

8.1. Ghi nhận bà Trần Thị Thúy L đã trả xong cho Ngân hàng TMCP Đ2 số tiền vay (vốn và lãi) theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/6127643/HĐTD ngày 03 tháng 10 năm 2023 giữa ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L và Ngân hàng TMCP Đ2. Bà L được quyền thỏa thuận với ông C về việc phân chia số nợ này, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

8.2. Ghi nhận ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L đã tự thỏa thuận giải quyết xong khoản nợ vay của Công ty TNHH T5 đối với Ngân hàng N1 (chi nhánh M), ông C bà L là bên bảo đảm cho Công ty TNHH T5.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/9/2025, ông Phùng Minh C kháng cáo như sau: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phùng Minh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xin sửa đổi, rút một phần yêu cầu kháng cáo như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thúy L.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con là Phùng Thái Y, sinh ngày 07/02/2020. Lý do bà L không đủ tư cách đạo đức để nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Đối với các tài sản ông đã rút đơn tại cấp sơ thẩm thì ông không tranh chấp, tạm thời ông tự nguyện giao các tài sản đó cho bà L quản lý, sử dụng, ông không yêu cầu chia.

+ Đối với đôi bông tai kim cương do không có giấy chứng nhận kiểm định đầy đủ, ông đã bán và không kháng cáo, đồng ý bản án sơ thẩm.

+ Thừa đất số 13, tờ bản đồ số 4, diện tích 616,2m² tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long). Ông không kháng cáo và đồng ý với bản án sơ thẩm.

+ Đối với thửa đất số 416, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.225,9m² tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), ông tự nguyện giao thửa đất này cho bà L quản lý sử dụng mà không tranh chấp, ông không kháng cáo và đồng ý với bản án sơ thẩm.

+ Đối với thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29, diện tích 391,9m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long): Ông yêu cầu được nhận tài sản, vì đây là tài sản chung duy nhất ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông quản lý sử dụng làm nơi sinh sống duy nhất trong khi bà L đang quản lý, sử dụng 10 thửa đất. Cấp sơ thẩm giao thửa đất này cho bà L là không hợp lý. Vì thửa đất liền kề bao gồm thửa đất số 118 và thửa đất 109 và toàn bộ thửa đất số 118 dùng làm lối đi vào thửa 109, thửa đất này được đăng ký kinh doanh bởi hộ kinh doanh Phùng Minh C. Thửa 117 tiếp giáp với thửa đất 218 của bà L nhưng vị trí tiếp giáp có 4m nhưng không phải là lối đi mà là mương nước.

+ Tiền trái phiếu 2.155.800.000 đồng. Ông yêu cầu được chia đôi do bà L đã lừa dối và che giấu ông trong việc bán trái phiếu, dẫn đến việc ông photo công chứng lưu giữ cho đến nay. Ông yêu cầu được nhận ½ giá trị là 1.077.900.000 đồng.

+ Đối với xe 71H 00525: Đây là tài sản chung của vợ chồng, trị giá xe là 1.360.000.000 đồng. Bà L thừa nhận bán xe 800.000.000 đồng. Phần chênh lệch giá xe là 560.000.000 đồng nên ông yêu cầu nhận một nửa giá trị là 280.000.000 đồng.

+ Đối với xe 71c 06253: Ông yêu cầu được nhận giá trị xe là 296.467.000 đồng, còn bị đơn được nhận 3.533.000 đồng.

+ Đối với xe 71c 09406: Ông yêu cầu được nhận xe, nhằm tránh bị đơn không chấp hành án của Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, Vĩnh Long.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày:

+ Thửa đất số 117 tờ bản đồ số 29, diện tích 391,9m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là tài sản chung của vợ chồng. Thửa đất hiện nay có lối đi qua thửa đất số 118 nhưng bà L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T2, ông T2 chỉ cho đi tạm thời. Hiện nay bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 218 là ở phía sau

thửa đất số 117. Nay bà yêu cầu được nhận quyền sử dụng thửa đất số 117 để làm lối đi vào thửa đất số 218 do bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

+ Ngày 27/12/2019, bà L có mua của Công ty cổ phần C3 – Ngân hàng TMCP Đ2 02 trái phiếu có kỳ hạn, mỗi trái phiếu trị giá 1.000.000.000 đồng. Ngày 27/12/2020, tới kỳ hạn thì Công ty cổ phần C3 – Ngân hàng TMCP Đ2 có thanh toán cho bà L 02 chứng khoán nêu trên với giá trị là 2.155.800.000 đồng. Ngày 13/10/2021, bà L cùng ông C dùng số tiền này để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.849,7m². Đến ngày 28/10/2021, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/3/2022, bà L cùng ông C thế chấp thửa đất số 15 tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh M để vay vốn cho Công ty TNHH T5.

+ Đối với xe 71H 00525 là tài sản chung, bà bán cho ông Nguyễn Thành C1 1.100.000.000 đồng, số tiền này được sử dụng chung của vợ chồng.

+ Đối với xe 71c 06253 là tài sản riêng của bà có trước khi kết hôn với ông C.

+ Đối với xe 71c 09406 là tài sản chung của vợ chồng, trị giá xe 500.000.000 đồng, bà yêu cầu nhận xe, trả giá trị cho ông C.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long. Ông Phùng Minh C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 16/9/2025 của ông Phùng Minh C còn trong thời hạn theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Người đại diện của ông Phùng Minh C là ông Lê Nhật H vắng mặt, ông C đồng ý sự vắng mặt của ông H nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được giải quyết

vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019. Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Minh C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy L. Các đương sự không kháng cáo về quan hệ hôn nhân nên cấp phúc thẩm không xem xét.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L có một con chung là Phùng Thái Y, sinh ngày 07/02/2020. Xét thấy, bà Trần Thị Thúy L đang trực tiếp nuôi con, cháu Phùng Thái Y còn nhỏ, là con gái nên để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Phùng Thái Y nên cấp sơ thẩm giải quyết cho bà Trần Thị Thúy L được trực tiếp nuôi con, ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Ông C cho rằng bà L không có tư cách đạo đức để nuôi con nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông C.

- Về quan hệ tài sản:

+ Đối với Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29, diện tích 391,9m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), do bà Trần Thị Thúy L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/5/2022. Ông C và bà L đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông C kháng cáo yêu cầu được nhận quyền sử dụng thửa đất số 117 và trả giá trị đất cho bà L. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thửa đất số 218 hiện nay do bà Trần Thị Thúy L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Phùng Minh C đứng tên đăng ký kinh doanh. Hiện nay bà L đang quản lý sử dụng thửa đất số 218 và đi qua thửa đất số 118 nhưng bà L đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 118 cho ông Nguyễn Minh T2. Ông Nguyễn Minh T2 có văn bản trình bày ý kiến là thửa đất số 118 ông nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Thúy L, do ông chưa xây dựng công trình trên đất nên tạm thời ông cho bà L đi ra vào nhà xưởng của bà L ở phía trong, để đảm bảo tài sản nên ông đã yêu cầu bà L phải mở lối đi khác để trả lại lối đi cho ông. Ông C có bản tường trình về nội dung video do điện thoại quay và camera ghi lại là tiếp giáp giữa thửa 218 và 117 là con kênh nước, còn thửa 118 là lối đi dung nhất vào thửa đất số 218 và giữa bà Trần Thị Thúy L và ông Nguyễn Minh C2 có quan hệ tình cảm nên việc mua đất là giả tạo. Tuy nhiên, những hình ảnh này chưa đủ căn cứ để chứng minh là giữa bà L và ông Nguyễn Minh C2 có quan hệ tình cảm và việc chuyển nhượng thửa đất số 118 là giả tạo. Nhận thấy, thửa đất số 117 giáp với thửa đất số 218 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Trần Thị Thúy L đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Để đảm bảo cho việc đi ra vào thửa đất số 218 nên cấp sơ thẩm chia cho bà L được nhận toàn bộ thửa đất

số 117 và ông C2 được nhận giá trị là phù hợp.

+ Đối với chứng khoán số seri BID2 RL 19.24 00007: Ông C2 và bà L đều xác nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Bà L cho rằng bà đã bán trái phiếu được 2.155.800.000 đồng, số tiền này bà dùng vào việc sinh hoạt gia đình chung như hoạt động kinh tế, mua đất nên không còn để chia. Ông C2 cho rằng không biết việc bà L bán trái phiếu nên ông yêu cầu chia đôi số tiền bán được. Ngày 23/4/2026, Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh B có ý kiến như sau: Ngân hàng xác nhận mã trái phiếu BID2 RL 19.24 thuộc sở hữu của bà Trần Thị Thúy L, đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán và chính thức chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 28/12/2020. Thời điểm đó, ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi vào tài khoản của bà Trần Thị Thúy L. Kể từ ngày 28/12/2020, mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến mã trái phiếu này giữa khách hàng và ngân hàng đã hoàn tất; giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu (bản gốc) không còn giá trị thực hiện với ngân hàng; ngân hàng không lưu giữ bản gốc của trái phiếu. Ông C2 trình bày bà L bán trái phiếu là không đúng, vì ngày đáo hạn trái phiếu là ngày 27/12/2025. Tuy nhiên, trong trái phiếu có ghi ngày thực hiện quyền mua lại là ngày 27/12/2020. Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 4 diện tích 2849,7m², tọa lạc thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận ngày 28/10/2021, cho bà Trần Thị Thúy L, ông T2 và bà L đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Đến ngày 15/3/2022, bà L và ông C2 đã thế chấp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 4 diện tích 2849,7m² và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 4, diện tích 739,5m² để vay ngân hàng N1 – Chi nhánh M - Bến Tre để vay số tiền 17.210.706 đồng. Ông T2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn tiền mua thửa đất số 15. Như vậy, bà L trình bày số tiền bán trái phiếu bà dùng để mua thửa đất số 15 và chi phí sinh hoạt gia đình là có căn cứ.

+ Đối với xe ô tô tải biển số 71H-005.25 thì ông C2 và bà L đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Trong hồ sơ thể hiện một hợp đồng mua bán xe ngày 23/6/2023 giữa bên bán là bà Trần Thị Thúy L với bên mua là ông Nguyễn Thành C1, giá mua bán xe là 1.360.000.000 đồng, hợp đồng không công chứng, chứng thực và một hợp đồng mua bán xe ngày 26/6/2023 giữa bên bán là bà Trần Thị Thúy L, ông Phùng Minh C với bên mua là ông Nguyễn Thành C1, giá mua bán xe là 800.000.000 đồng, hợp đồng có công chứng, chứng thực. Ông Nguyễn Thành C1 trình bày là ông với ông C, bà L thỏa thuận mua bán xe 71H-005.25 với giá ban đầu là 1.360.000.000 đồng nhưng sau khi xem có lỗi cần sửa chữa nên giảm số tiền mua là 1.100.000.000 đồng nhưng khi ký hợp đồng ghi 800.000.000 đồng nhằm mục đích giảm thuế. Bà L cũng

thừa nhận số tiền bán xe cho ông C1 là 1.100.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định giá mua bán xe là 1.100.000.000 đồng, thời điểm bán xe là trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà L, cùng sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình, nên kháng cáo của ông C không được chấp nhận.

Đối với xe ô tô tải biển số 71C 094.06 ông C và bà L đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay do bà Trần Thị Thúy L đứng tên và bà L đang quản lý sử dụng nên cấp sơ thẩm giao cho bà L nhận xe và trả giá trị xe cho ông C 250.000.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp sơ thẩm ông C cũng đồng ý nhận giá trị xe.

Đối với xe ô tô tải HINO biển số 71C 062.53 ông C và bà L đều xác định xe mua vào năm 2017, bà L xác định là tài sản riêng của bà mua trước thời kỳ hôn nhân, ông C cho rằng thời điểm năm 2017 ông là người bỏ tiền mua xe nhưng bà L không thừa nhận. Do thời điểm mua bán xe bà L là người đứng tên, bà L và ông C chưa đăng ký kết hôn nên ông C cho rằng là tài sản chung là không căn cứ chứng minh.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Minh C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không đủ căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Minh C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 43, 44, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phùng Minh C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy L.

2. Về con chung: Giao con Phùng Thái Y, sinh ngày 07/02/2020 cho bà Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi. Ông Phùng Minh C cấp dưỡng con Phùng Thái Y mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi con (Phùng Thái Y) đủ 18 tuổi.

Ông Phùng Minh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thúy L được nhận toàn bộ thửa đất số 117 và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất với số tiền là 627.040.000 đồng (có hồ sơ trích đo kèm theo).

3.2. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4 tọa lạc thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thúy L được nhận toàn bộ thửa đất và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất số 13 với số tiền là 72.500.000 đồng (có hồ sơ trích đo kèm theo).

Do các thửa đất nêu trên bà Trần Thị Thúy L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cần kiến nghị điều chỉnh người đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.3. Chia cho ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L mỗi người $\frac{1}{2}$ xe ô tô tải hiệu HINO biển kiểm soát 71C-094.06 do bà Trần Thị Thúy L đứng tên. Bà Trần Thị Thúy L được nhận xe và có nghĩa vụ giao lại cho ông Phùng Minh C $\frac{1}{2}$ giá trị xe số tiền 250.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Minh C về việc yêu cầu chia tài sản liên quan đến các tài sản gồm: Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 09 tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị Thúy L đứng tên quyền sử dụng đất; xe ô tô tải 71C-005.25; xe ô tô tải 71C- 062.53; Tiền bán trái phiếu là 2.155.800.000 đồng.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Phùng Minh C về việc rút yêu cầu liên quan đến các tài sản gồm:

- Đồ trang sức là kim cương thiên nhiên mã số 835604 Gia 7446131214 trọng lượng 0,618ci và kim cương thiên nhiên mã số 690804 – 670302 (các bên đã thực hiện việc giao nhận xong).

- Thửa đất số 218 tờ bản đồ số 29 và các thửa đất 02, 118 tờ bản đồ số 28

tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Thửa đất số 08, 15 tờ bản đồ số 04 tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long).

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14, tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Nhà xưởng + nhà ở biệt thự vườn kết hợp văn phòng được xây dựng trên 03 thửa đất liền kề nhau là thửa 218 tờ bản đồ số 29, thửa 118 tờ bản đồ số 29 và thửa số 2 tờ bản đồ số 28 cùng tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Điện 03 pha; Xe nâng Toyota; xe nâng điện; xe nâng Komatsu; 03 máy rửa tự sáng chế theo bằng sáng chế số 36126 và 03 máy rửa tự chế theo bằng sáng chế số 37879; Lòng chặt kim loại tiếp sắt tự thiết kế; 75 chuồng dứa kim loại hộp sắt kèm tự thế kế; 780 sọt nhựa.

- Số tiền bồi thường 383.160.000 đồng liên quan đến các thửa đất số 830, 831 tờ bản đồ số 14, diện tích 2101,3 m² tọa lạc ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre và rút yêu cầu bà Trần Thị Thúy L giao số tiền 3.500.000.000 đồng (ba tỷ rưỡi) đồng là ½ số tiền vay từ Ngân hàng TMCP Đ2, chi nhánh B, phòng G.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy L về việc yêu cầu chia tài sản liên quan đến thửa đất số 830, 831, tờ bản đồ số 14, diện tích 2101,3 m² tọa lạc ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và yêu cầu chia số tiền đặt cọc (600.000.000 đồng) mua thửa đất số 400 tờ bản đồ số 19, diện tích 611,3 m² tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long.

8. Về nợ chung:

8.1. Ghi nhận bà Trần Thị Thúy L đã trả xong cho Ngân hàng TMCP Đ2 số tiền vay (vốn và lãi) theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/6127643/HĐTD ngày 03 tháng 10 năm 2023 giữa ông Phùng Minh C, bà Trần Thị Thúy L và Ngân hàng TMCP Đ2. Bà L được quyền thỏa thuận với ông C về việc phân chia số nợ này, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

8.2. Ghi nhận ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L đã tự thỏa thuận giải quyết xong khoản nợ vay của Công ty TNHH T5 đối với Ngân hàng N1 (chi nhánh M), ông C và bà L là bên bảo đảm cho Công ty TNHH T5.

9. Về chi phí thu thập chứng cứ là 6.506.550 đồng, ông Phùng Minh C và bà Trần Thị Thúy L mỗi người phải nộp ½ là 3.253.275 đồng. Do ông C đã nộp tạm ứng trước số tiền 6.506.550 đồng nên bà L có nghĩa vụ giao lại cho ông C số tiền 3.253.275 đồng.

10. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phùng Minh C

phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002298 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Phùng Minh C phải nộp số tiền án phí là 40.486.200 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.989.000 đồng theo biên lai thu số 0002299 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Ông Phùng Minh C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 17.502.800 đồng theo biên lai thu nêu trên.

- Hoàn trả cho ông Phùng Minh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.916.000 đồng theo biên lai thu số 0004993 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị Thúy L phải nộp số tiền 40.486.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005007 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Bà L được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.513.800 đồng theo biên lai thu nêu trên.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng Minh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phùng Minh C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0002828 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên được trừ qua, ông Phùng Minh C đã nộp xong.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa phúc thẩm TANDTC
- Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 9: 01;
- Phòng THADS khu vực 9: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang Ngô Đê

Nguyễn Văn Dũng

